**TÒA ÁN NHÂN DÂN**
**THỊ XÃ ĐỨC PHỔ**
**TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 22 /2020/DS-ST
Ngày 15-9-2020
*V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và giao dịch tiền biêu"*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐỨC PHỔ, TỈNH QUẢNG NGÃI**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Nguyễn Văn Hậu

*Các Hội thẩm nhân dân*: Bà Bùi Thị Cẩm

Bà Lê Thị Hạnh

***- Thư ký phiên tòa:*** ông Nguyễn Văn Hòa – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa:*** Ông Trần Văn Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 77/2020/TLST-DS ngày 11 tháng 6 năm 2020 về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và giao dịch tiền biêu"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 81/2020/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 31/2020/QĐST-DS, ngày 28/8/2020, giữa các đương sự;

*Nguyên đơn*: Bà Ngô Thị Thu N, sinh năm 1983
Địa chỉ: Tổ dân phố N, phường P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi (có mặt)
*Bị đơn:* Bà Huỳnh Thị B, sinh năm 1962
Địa chỉ: Tổ dân phố N, phường P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi (vắng mặt)
*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*
Ông Nguyễn K, sinh năm 1978 (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)
Bà Lê Thị Thu T, sinh năm 1988 (vắng mặt)
Bà Lê Thị Thu T, sinh năm 1991 (vắng mặt)
Ông Lê Hoài G, sinh năm 1993 (vắng mặt)
Ông Lê Hoài Đ, sinh năm 1996 (vắng mặt)
Cùng địa chỉ: Tổ dân phố N, phường P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi.
Bà Lê Thị C, sinh năm 1986 (vắng mặt)
Địa chỉ: Tổ dân phố A, phường P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản ghi lời khai và tại phiên tòa nguyên đơn bà Ngô Thị Thu N trình bày:*

Để tương trợ nhau trong cuộc sống nên vào đầu năm 2013 giữa bà và bà Huỳnh Thị B cùng một số người trong xóm tham gia hình thức góp biêu, dây biêu có 18 người tham gia do bà B làm chủ, mỗi tháng đóng 2.000.000 đồng, bà N đã đóng được 16 tháng số tiền 32.000.000 đồng, bà B đã hốt đầu nhưng không đóng lại nên bà B còn nợ bà số tiền là 32.000.000 đồng, đến tháng 6/2013 bà B có ghi một giấy nợ tiền biêu, trong đó có cấn trừ số tiền 7.840.000 đồng qua cho bà Trần Thị Kim S (tên gọi khác chị 9) nên trong dây biêu này bà B con nợ bà số tiền là 24.160.000 đồng.

Ngày 28/7/2013, bà B còn vay của bà số tiền 10.000.000 đồng, vay không có thời hạn, lãi suất thỏa thuận là 1%/tháng, bà Báu đã trả được 03 tháng tiền lãi số tiền là 300.000đồng; mục đích vay tiền là phục vụ kinh doanh buôn bán vật liệu xây dựng và chi tiêu trong gia đình, nhiều lần bà yêu cầu bà B trả nợ nhưng không trả và hiện nay đã bỏ địa phương đi đâu bà không rõ.

Số tiền bà tham gia chơi B và tiền cho bà B vay tiền là tài sản chung của vợ chồng. Do đó, bà N yêu cầu bà Huỳnh Thị B phải trả cho vợ chồng bà khoản tiền vay 10.000.000 đồng và tiền nợ biêu là 24.160.000 đồng, không yêu cầu trả lãi đối với hai khoản tiền này.

*Bị đơn bà Huỳnh Thị B đã được Tòa án tống đạt, niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng nhưng bà không có văn bản trình bày.*

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* các ông (bà) Lê Thị Thu T, Lê Thị Thu T, Lê Hoài G, Lê Hoài Đ, Lê Thị Thu C đã được Tòa án tống đạt, niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng nhưng không có văn bản trình bày.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Khiêm trình bày;* ông là chồng bà Ngô Thị Thu N, ông thống nhất theo lời trình bày của bà Ngô Thị Thu N, yêu cầu bà Huỳnh Thị B phải trả cho vợ chồng ông số tiền vay 10.000.000 đồng và tiền nợ biêu là 24.160.000 đồng, không yêu cầu trả lãi đối với hai khoản tiền này.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

+ Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán đã chấp hành đúng theo các quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự.

+ Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

+ Đối với nguyên đơn chấp hành đúng theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng Dân sự.

+ Đối với bị đơn chưa chấp hành đúng theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng Dân sự.

+ Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Kchấp hành đúng theo quy định tại Điều 70, 73 Bộ luật tố tụng Dân sự; các ông (bà) Lê Thị Thu T, Lê Thị Thu T, Lê Hoài G, Lê Hoài Đ, Lê Thị Thu C chưa chấp hành đúng theo quy định tại Điều 70, 73 Bộ luật tố tụng Dân sự;

2. Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ Điều 26, 35, 39, 91, 227 và 228 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 463, 466, 471, 688 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 23 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Huỳnh Thị B phải có nghĩa vụ trả cho bà Ngô Thị Thu N và ông Nguyễn K số tiền là 34.160.000 đồng; trong đó 10.000.000 đồng tiền vay và 24.160.000 đồng tiền nợ biêu.

- Về lãi suất: Bà Ngô Thị Thu N và ông Nguyễn K không yêu cầu tính lãi suất nên không xét.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Ngày 16/5/2020, bà Ngô Thị Thu N khởi kiện bà Huỳnh Thị B có địa chỉ tại tổ dân phố Nam P, phường Phổ V, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi.

[1.2] Bị đơn bà Huỳnh Thị B; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Thu T, bà Lê Thị Thu T, ông Lê Hoài G, ông Lê Hoài Đ, bà Lê Thị Thu C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt tại phiên tòa không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị Thu N, Hội đồng xét xử thấy rằng từ chỗ hàng xóm với nhau nên đầu năm 2013, giữa bà Huỳnh Thị B với bà Ngô Thị Thu N cùng một số người khác tổ chức chơi biêu (hụi), dây biêu có 18 người tham gia do bà B làm chủ, mỗi tháng đóng 2.000.000 đồng, bà N đã đóng

được 16 tháng số tiền 32.000.000 đồng. Do bà B đã hốt đầu nhưng không đóng lại nên bà B còn nợ bà N số tiền là 32.000.000 đồng, đến tháng 3/2016 bà Báu có ghi một giấy nợ tiền biêu, trong đó có cấn trừ số tiền 7.840.000 đồng qua cho bà Trần Thị Kim S, nên bà B con nợ bà N số tiền 24.160.000 đồng. Ngày 29/3/2016 bà Huỳnh Thị B viết giấy cam kết trả cho bà N mỗi tháng 5.000.000 đồng bắt đầu từ tháng 12/2016 nhưng bà B không thực hiện. Xét thấy lời trình bày của bà N phù hợp với lời khai của bà Huỳnh Thị B tại Cơ quan cảnh sát Điều tra công an tỉnh Quảng Ngãi do Tòa án thu thập, nên Hội đồng xét xử có đủ căn cứ buộc bà Huỳnh Thị B phải trả cho bà N, ông K số tiền nợ biêu 24.160.000 đồng.

[2.2] Ngày 28/7/2013, bà B có vay của bà N số tiền 10.000.000 đồng, vay không có thời hạn và có lãi, lãi suất thỏa thuận 1%/tháng, bà B đã trả được 03 tháng lãi số tiền là 300.000 đồng; mục đích vay tiền là phục vụ kinh doanh buôn bán vật liệu xây dựng và chi tiêu trong gia đình. Trong quá trình tố tụng, bà N không chứng minh được tiền bà B hốt biêu cũng như tiền vay bà để sử dụng vào mục đích đáp ứng nhu cầu thiết yếu trong gia đình. Đồng thời bà Nh cũng thừa nhận ông Lê M (chết năm 2016) và các con của bà B, ông M không tham gia chơi biêu và không yêu cầu các con của bà Báu có nghĩa vụ trả nợ. Do đó, Hội đồng xét xử buộc bà Huỳnh Thị B có nghĩa vụ trả cho bà Ngô Thị Thu N, ông Nguyễn K số tiền 10.000.000 đồng là có căn cứ quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015.

[3] Về án phí: Bà Huỳnh Thị B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật; hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho bà Ngô Thị Thu N.

[4] Đề nghị của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đức Phổ phù hợp với nhận định trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 235, 266, 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 117, 119, 357, 463, 466, 469, 471, 688 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 23 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Tuyên xử*:

**1.** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Huỳnh Thị B phải có nghĩa vụ trả cho bà Ngô Thị Thu N và ông Nguyễn K số tiền là 34.160.000

đồng; trong đó tiền vay 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) và tiền nợ biêu 24.160.000 đồng (hai mươi bốn triệu, một trăm sáu mươi ngàn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

**2**. Về án phí: Bà Huỳnh Thị B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.708.000 đồng. Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho bà Ngô Thị Thu N 1.050.000 đồng theo biên lai thu tiền số AA/2018/0002925 ngày 11/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Đức Phổ.

**3**. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND thị xã Đức Phổ;
- Chi Cục THADS thị xã Đức Phổ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(ĐÃ KÝ)

**Nguyễn Văn Hậu**

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ** **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN**
**TÒA**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN**

**Huỳnh Tiến Bộ** **Trần Thị Hội** **Trần Thanh Sang**

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Đức Phổ;
- Chi Cục THADS huyện Đức Phổ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN**

**Trần Thanh Sang**